

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – CÀ MAU
Bản án số: 173/2026/DS-ST
Ngày 28 – 4 - 2026
“V/v tranh chấp hợp
đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Lộc

Ông Ong Văn Đủ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lâm Văn Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 602/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1)

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện hợp pháp của ông D: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng cá nhân, là người đại diện theo ủy quyền của ông D, theo văn bản ủy quyền đề ngày 28/7/2025.

Người đại diện hợp pháp của ông T:

1/ Bà Nguyễn Mộng C – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ

2/ Ông Nguyễn Hoàng H – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ

3/ Ông Lê Văn M, sinh năm 1998 – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ

4/ Ông **Lê Minh K**, sinh năm 1997 – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ

Cùng địa chỉ: **Số A, N, phường L, tỉnh Cà Mau.**

Theo văn bản ủy quyền đề ngày 03/02/2026 (Ông **H** có mặt, bà **C**, ông **M**, ông **K** vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Phạm Hoàng T1**, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề 13 tháng 8 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Nguyễn Hoàng H** trình bày:*

Ngày 22/11/2023 ông **Phạm Hoàng T1** đã ký kết với **Ngân hàng TMCP V (V1)** hợp đồng cho vay số LD2332600396, đây là hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ **ngân hàng Đ**. Theo đó, **Ngân hàng V1** cho ông **T1** vay số tiền 309.300.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày 22/11/2023 đến 03/11/2028. Lãi suất cho vay trong hạn là 36% trong suốt thời gian vay, lãi suất quá hạn theo quy định chung là 150% lãi suất trong hạn.

Theo thỏa thuận giữa **Ngân hàng V1** và ông **T1** thì đối với số tiền vốn và lãi thì ông **T1** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng V1** hằng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 03/01/2024, kỳ trả gốc đầu tiên bắt đầu từ ngày 03/01/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi vay thì ông **T1** trả lãi cho **Ngân hàng V1** được 27.687.991 đồng, sau đó thì ông **T1** không trả vốn và lãi cho **Ngân hàng** đến nay, từ ngày 03/01/2024 ông **T1** đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi cho **Ngân hàng V1**, ngày 03/4/2024 khoản vay của ông **T1** đã chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất 54%/năm. Tính từ ngày 03/4/2024 đến ngày 28/4/2026 thì số tiền nợ lãi của ông **T1** là 350.746.200 đồng.

Sau khi ông **T1** vi phạm nghĩa vụ thanh toán, **Ngân hàng V1** đã nhiều lần liên hệ ông **T1** để yêu cầu thanh toán số tiền nợ nhưng ông **T1** cứ trốn tránh và không thực hiện.

Nay **Ngân hàng TMCP V** yêu cầu ông **Phạm Hoàng T1** trả tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 28/4/2026 là 660.046.200 đồng. Trong đó, nợ gốc là 309.300.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 350.746.200 đồng. Đồng thời **Ngân hàng V1** yêu cầu ông **T1** tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 29/4/2026 đến khi thanh toán

xong nợ theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông Phạm Hoàng T1.

Đối với ông Phạm Hoàng T1 Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án cũng đã triệu tập ông T1 để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ hai nhưng ông T1 đều vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau phát biểu:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc: Thụ lý đơn khởi kiện, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về quyền và nghĩa vụ phải thực hiện, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với ông Phạm Hoàng T1.

Buộc ông Phạm Hoàng T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 28/4/2026 là 660.046.200 đồng. Trong đó, nợ gốc là 309.300.000 đồng, nợ lãi là 350.746.200 đồng. Đồng thời buộc ông T1 tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 29/4/2026 đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông Phạm Hoàng T1.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Phạm Hoàng T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP V với bị đơn Phạm Hoàng T1 là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phạm Hoàng T1 có địa chỉ tại ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tòa án đã triệu tập ông **Phạm Hoàng T1** hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ hai nhưng ông **T1** vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử vắng mặt đối với ông **T1** theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố Tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án:

Ngân hàng TMCP V yêu cầu ông **Phạm Hoàng T1** trả tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 28/4/2026 là 660.046.200 đồng. Trong đó, nợ gốc là 309.300.000 đồng, nợ lãi là 350.746.200 đồng. Đồng thời Ngân hàng yêu cầu ông **T1** tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 29/4/2026 đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa **Ngân hàng TMCP V** với ông **Phạm Hoàng T1**.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án **Ngân hàng V1** có cung cấp cho Tòa án hợp đồng cho vay số LD2332600396 đề ngày 22/11/2023 được ký kết giữa **Ngân hàng TMCP V** với ông **Phạm Hoàng T1**, nội dung thể hiện ông **T1** vay của Ngân hàng số tiền 309.300.000 đồng. Đồng thời, **Ngân hàng V1** có cung cấp lịch sử giao dịch trên số tài khoản của ông **T1** tại Ngân hàng, theo đó vào ngày 22/11/2023 Ngân hàng đã giải ngân chuyển vào số tài khoản 255991736 do ông **Phạm Hoàng T1** là chủ tài khoản với số tiền là 309.300.000 đồng, sau đó ông **T1** hoạch toán phí bảo hiểm cho khoản vay là 14.729.000 đồng, số tiền còn lại 294.571.000 đồng ông **T1** rút từ quầy giao dịch của **Ngân hàng V1**. Sau khi vay thì ông **T1** đã trả cho **Ngân hàng V1** được số tiền lãi là 27.687.991 đồng, chưa trả vốn. Từ ngày 03/4/2024 **Ngân hàng V1** đã chuyển số tiền vay của ông **T1** sang nợ quá hạn với lãi suất 54%/năm, tính từ ngày 03/4/2024 đến ngày 28/4/2026 thì số tiền nợ lãi của ông **T1** là 350.746.200 đồng, tổng vốn và lãi ông **T1** còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 28/4/2026 là 660.046.200 đồng.

Đối với ông **T1** sau khi **Ngân hàng V1** khởi kiện Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông **T1** nhưng ông **T1** không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng V1**. Do đó, việc **Ngân hàng V1** khởi kiện yêu cầu ông **T1** trả số tiền nợ lãi và vốn tính đến ngày 28/4/2026 là 660.046.200 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định “*Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn*

phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”. Do đó, Ngân hàng V1 yêu cầu ông T1 tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 29/4/2026 đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1 đối với ông Phạm Hoàng T1, do đó buộc ông Phạm Hoàng T1 phải chịu số tiền án phí là 30.402.000 đồng (Ba mươi triệu bốn trăm lẻ hai nghìn đồng). Ngân hàng V1 không phải chịu án phí.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147, 227, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 100, 107 Luật các Tổ chức tín dụng;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với ông Phạm Hoàng T1.

Buộc ông Phạm Hoàng T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 28/4/2026 là 660.046.200 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm đồng). Trong đó, nợ gốc là 309.300.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 350.746.200 đồng.

Buộc ông Phạm Hoàng T1 tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 29/4/2026 đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng LD2332600396 đề ngày 22/11/2023 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông Phạm Hoàng T1.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Phạm Hoàng T1 phải chịu là 30.402.000 đồng (Ba mươi triệu bốn trăm lẻ hai nghìn đồng).

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Án xử sơ thẩm công khai Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Hoàng T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn Văn Đệ